

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2023

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái và ông Niê Y Ling (Ma Bin).

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân (TAND) huyện S, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh P tham gia phiên tòa:
Bà Lương Như Hoàn – Kiểm sát viên sơ cấp.

Lúc 14 giờ 30 phút, ngày 27-9-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện S. TAND huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17-8-2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-9-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21-9-2023 của TAND huyện Sông Hình giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị Như Q**, sinh năm 1999; địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện S, tỉnh P. Nghề nghiệp: Buôn bán. Có mặt.

****Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Nghề nghiệp: Buôn bán. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Q và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn H, huyện S, tỉnh P vào ngày 31-7-2019. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh H thường xuyên gây chuyện để mâu thuẫn

và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Trước đây, anh H có quan hệ bất chính với người khác (chị Q cung cấp một số chứng cứ về tin nhắn qua lại với người yêu của anh H) khi về nhà còn đánh chị Q, chị Q đã nhiều lần bỏ qua để hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm, chị Q và con trai phải bỏ nhà đến B, xã E, huyện S sống với cha mẹ để chờ ngày ra tòa ly hôn và đã sống ly thân từ tháng 04 năm 2023 cho đến nay. Vì vậy, chị Q yêu cầu Tòa cho ly hôn anh Hoàng.

* Về con chung: Quá trình chung sống, chị Q và anh H có 01 con chung, tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28-4-2020; giới tính: Nam.

Sau khi ly hôn, chị Q xin được tiếp tục nuôi con chung, có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000^d/tháng cho đến khi con đủ mười tám tuổi. Nhờ tòa xem xét.

* Về tài sản chung: Chị Q và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H đã có bản tự khai trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, về con và về tài sản thống nhất như chị Q trình bày. Năm 2022 anh H cũng thừa nhận mình không đúng, có những suy nghĩ không chín chắn và làm những điều sai trái có những tin nhắn với người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng chỉ dừng lại ở tin nhắn không đi xa hơn. Chị Q thường nhắc đến những chuyện cũ khiến mâu thuẫn ngày càng nhiều, dẫn đến ức chế và không hòa hợp. Chị Q nộp đơn ly hôn đơn phương và đã lấy những tin nhắn lúc trước để đe dọa anh H, yêu cầu anh H làm theo mong muốn quyền lợi của chị Q nếu không chị Q sẽ phát tán những tin nhắn lúc trước ra xã hội điều đó sẽ khiến ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần anh H. Nguyên vọng anh H không muốn ly hôn. Nhờ tòa xem xét.

Về con: Có một con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 28-4-2020; giới tính: Nam. Nếu không hòa giải được, nhờ tòa cho anh H nuôi con, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh H chứng minh có kinh tế đầy đủ, bảo đảm chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn chị Quỳnh.

Về tài sản: Anh H và chị Q, không yêu cầu tòa giải quyết. Nhờ Tòa xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H, chị Q không yêu cầu thẩm tra xác minh chứng cứ, tài liệu khác. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh hoặc có đơn yêu cầu thẩm tra, xác minh. Tuy nhiên, để bảo đảm việc xác thực tình trạng hôn nhân, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của nguyên đơn và bị đơn, cho thấy từ năm 2022 đến nay chị Q và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục duy trì xây dựng hạnh phúc gia đình.

TAND huyện S đã tiến hành hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H,

tiếp tục xin được nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000^d/tháng đến khi con đủ 18 tuổi, về tài sản tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh hoặc có đơn yêu cầu thẩm tra, xác minh.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt đến lần thứ hai, mặc dù đã được tổng đạt tất cả các văn bản triệu tập đương sự và niêm yết hợp lệ các văn bản theo Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), nhưng anh H vẫn không đến tòa án, xem như anh H từ bỏ quyền có mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Về tài sản: Chị Q, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Chị Q và anh H đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện S, tỉnh P vào ngày 31-7-2019, quá trình chung sống không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau và có một con chung hiện đang ở với mẹ, chị Q chấp nhận nuôi con, có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản thì chị Q, anh H không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh H không có mặt, xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q ly hôn với anh Hoàng.

Về con chung: Chị Q và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28-4-2020; giới tính: Nam. Sau khi ly hôn, chị Q xin được nuôi con chung, hiện tại con đang sinh sống với chị Q nên ưu tiên người mẹ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng: Chị Q yêu cầu, sau khi ly hôn anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000^d/tháng, nhưng anh H không chấp nhận giao con cho chị Q nuôi, nên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con, anh H hiện tại buôn bán quán cơm Bình Dân, không biết cụ thể thu nhập bao nhiêu nên cần tính mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị HĐXX sau khi ly hôn giao con Nguyễn Gia H cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ 900.000^d/tháng đến 1.200.000^d/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Q và anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

Nguyên đơn, bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Trần Thị Như Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị Q và anh Nguyễn Văn H; địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn H, huyện S, tỉnh P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. TAND huyện S, tỉnh P đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện S, tỉnh P vào ngày 31-7-2019. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, không còn tình cảm, không thể hàn gắn duy trì xây dựng hạnh phúc gia đình, nên chị Q xin ly hôn với anh Hoàng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh việc anh H còn thương yêu vợ con và có trách nhiệm chăm lo hạnh phúc gia đình. Tòa triệu tập để tham gia tố tụng đến lần thứ hai, anh H biết nhưng không đến phiên tòa là xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Riêng chị Q chứng minh, việc mâu thuẫn giữa chị Q và anh H đã trầm trọng thường xuyên diễn ra trong gia đình nếu tiếp tục chung sống phần nào sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của con chung. Hiện tại, chị Q và anh H đã sống ly thân, chị Q và con đã ra ở riêng (tạm trú tại nhà cha mẹ đẻ ở Buôn D, xã E, huyện S) từ tháng 04 năm 2023 đến nay, có biên bản xác minh tình trạng hôn nhân do chính quyền địa phương cung cấp. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[3] Về con chung: Chị Q và anh H thừa nhận có một con chung, xét điều kiện hiện tại con chung đang sống với chị Q và chị Q có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, chị Q có thu nhập 6.000.000^d/tháng, đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chị Q được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28-4-2020; giới tính: Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000^d/tháng, nhưng anh H cũng xin được nuôi con nên không chấp nhận cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện kinh tế thu nhập, việc làm của anh Hoàng, chấp nhận quan điểm đề xuất giải quyết vụ án của kiểm sát viên tại phiên tòa, theo đó, HĐXX chấp nhận mức trung bình, buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28-4-2020; giới tính: Nam với mức 1.000.000^d (một triệu đồng)/tháng.

Việc cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Q và anh H không yêu cầu phân chia tài sản, nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Như Q. Cho chị Trần Thị Như Q ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:* Chị Q được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 28-4-2020; giới tính: Nam.

* *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000^d (một triệu đồng)/tháng.

Việc cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. *Về tài sản chung:* Chị Quỳnh, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Trần Thị Như Q phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010836 ngày 17-8-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh P. Vì vậy, về án phí chị Q đã thi hành xong.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha